TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST Ngày 02 - 8 - 2017 V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà D và ông N	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bon

Ông Võ Tấn Thành

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đặng Thị D trình bày: Bà và ông Trần Văn N chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không đăng ký hôn, chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi với nhau, ông N thường xuyên đánh đập bà, ông N chửi mẹ ruột của bà. Bà cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà ly hôn với ông Trần Văn N.

Trong quá trình chung sống bà và ông Trần Văn N có một người con chung tên là Đặng Trần Hoàng P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016, đến ngày 06 tháng 7

năm 2016 thì được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình Thạnh thay đổi hộ tịch, người con có tên là Đặng Trần Hoàng P thành: Trần Minh P, hiện nay bà đang nuôi dưỡng. Bà yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2017 đến khi người con chung tròn 18 tuổi. Hiện nay bà phụ trồng thanh long cho mẹ ruột của bà, không có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Văn N trình bày: Ông và bà Đặng Thị D chung sống năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn, có một người con chung, không có nợ chung như bà D trình bày là đúng.

Về tài sản chung: Có số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) do bà D quản lý, nguồn gốc tiền là do bán thanh long trồng trên đất của mẹ vợ nhưng ông không yêu cầu chia số tiền này mà để nuôi con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn không phải như bà D trình bày mà do bà D ghen tuông, chửi bới ông.

Về con chung: Ông không đồng ý giao con chung cho bà D nuôi dưỡng con chung. Ông yêu cầu nuôi con chung tên Trần Minh P và yêu cầu bà D cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2017 đến khi người con chung tròn 18 tuổi. Hiện nay, ông làm nghề tài xế lái xe: Chạy xe dịch vụ nên thu nhập ổn định, bình quân mỗi tháng khoảng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Trường hợp Tòa án giao con chung cho bà D nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng cho bà D nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Còn việc bị xử phạt hình chính do ông gây rối trật tự ở khu dân cư, cụ thể là chửi mẹ vợ.

Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D, vì mâu thuẫn không nghiêm trọng.

Nguyên đơn bà Đặng Thị D trình bày: Bà không đồng ý giao con chung cho ông N nuôi dưỡng, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà không có giữ số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) như ông N trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Đặng Thị D và nơi cư trú của ông Trần Văn N, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Văn N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[3] Bà Đặng Thị D và ông Trần Văn N chung sống năm 2014, không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà D cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông N không còn hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N. Vận dụng Điểm c Khoản 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 về quan hệ hôn nhân khi có một trong hai bên đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị D và ông Trần Văn N.

[4] Về con chung: Bà Đặng Thị D, ông Trần Văn N cùng yêu cầu nuôi con chung nhưng người con chung tên là Trần Văn Phúc, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, yêu cầu của bà D về việc nuôi con chung là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cho bà D được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung tên Trần Văn Phúc, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016.

[5] Bà D yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng ông N chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Xét thấy mức cấp dưỡng bà D yêu cầu là không cao nhưng ông N xác định không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, bà D không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của ông N. Mặt khác, mức cấp dưỡng ông N chấp nhận là thấp hơn ½ mức lương cơ sở (Mức lương cơ sở tại điểm xét xử là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) nên cần điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Đặng Thị D nuôi dưỡng người con chung mỗi tháng 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2017 đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung tên là Trần Minh P, vì lợi ích của người con chung, ông N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Bà D có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà D, ông N cùng xác định không có nợ chung, còn ông N xác định: Tài sản chung là số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) do bà D quản lý nhưng ông không yêu cầu chia số tiền này mà để nuôi con chung, còn bà D xác định không có số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), ông N không yêu cầu chia tài sản nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí, ông Trần Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình. Bà Đặng Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Vận dụng Điểm c Khoản 3 nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị D với ông Trần Văn N.

Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị D được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung tên là Trần Minh P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2016, (hiện bà D đang nuôi dưỡng).

Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Đặng Thị D nuôi dưỡng người con chung tên là Trần Minh P, mỗi tháng 650.000đ (Sau trăm năm mươi nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2017 đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

Ông Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung tên là Trần Văn Phúc, không ai được cản trở. Ông N thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì ông N, bà D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng thì bà D có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị D và Trần Văn N không có nợ chung; Tài sản chung bà D xác định không có, còn ông N xác định có tài sản nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007637 ngày 01 tháng 5

năm 2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ thành án phí sơ thẩm.

Ông Trần Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình. Ông Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do có nghĩa vụ cấp dưỡng, ông N có nghĩa vụ nộp cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
-Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**